TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 456/2018/HCPT
Ngày: 15/10/2018
V/v: Khiếu kiện về quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

***Thư ký phiên toà**:* Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà**:* Ông Vũ Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 60/2018/TL-PT ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc "Khiếu kiện về quản lý đất đai" do có kháng cáo của Uỷ ban nhân dân huyện B đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2017/HCST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ Hải D, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1961. Đều trú tại: Thôn P, xã K, huyện B, tỉnh H; bà E ủy quyền cho ông Đỗ Hải D tham gia phiên toà, ông D có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Số 05 ngõ 107 đường C, phường N, thành phố H, tỉnh H, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K - Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh H. Địa chỉ: Thị trấn K, huyện B, tỉnh H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh H: Ông Nguyễn Trung K. Địa chỉ: Thị trấn K, huyện B, tỉnh H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B: Ông Lương Đức C -Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (Theo Văn bản số 473/UBND-VP ngày 09/10/2018), có mặt.

- Chủ tịch UBND tỉnh H - ông Nguyễn Dương T; Địa chỉ: Số 45 đường Q, thành phố H, tỉnh H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Chủ tịch UBND tỉnh H: Ông Nguyễn Hữu L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/02/2008, UBND huyện B ban hành Quyết định số 591/QĐ-UBND về việc thu hồi 12.435,34m^2 tại ba xã M, K, N huyện B giao cho cho ban quản lý các dự án giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh H để nâng cấp, cải tại đường 394 (đoạn từ Km10+500 đến Km13+700). Trong đó hộ gia đình ông Đỗ Hải D và bà Nguyễn Thị E bị thu hồi diện tích 13,2m^2 đất.

Ngày 25/12/2008, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 4967/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để cải tạo, nâng cấp đường 394.

Ngày 14/12/2010, UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi 18,48m^2 đất của 27 hộ nằm ngoài phạm vi 6,25m tính từ tim đường 394 (141 hộ còn lại có diện tích bị thu hồi nằm trong phạm vi 6,25m tính từ tim đường nên UBND huyện không ban hành quyết định thu hồi đất). Hộ gia đình ông D bà bà E không nhận được quyết định thu hồi đất.

Ngày 16/12/2010, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2869/QĐ-UBND phê duyệt chi tiết phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung, trong đó bồi thường 18,48m^2 đất ở của 27 hộ nằm ngoài phạm vi 6,25m tính từ tim đường.

Theo ông Đỗ Hải D và bà Nguyễn Thị E: Tháng 8/1995, gia đình ông D và bà E nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Trí T diện tích 82m^2; ông T nhận chuyển nhượng từ ông G tháng 9/1994; ông G nhận thừa kế đất từ mẹ là cụ O; cụ O được UBND xã K giao đất từ năm 1976. Diện tích hiện nay gia đình ông D và bà E đang sử dụng là 88m^2, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Diện tích 13,2m^2 đất Nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng để nâng cấp đường 394 là đất ở; việc UBND huyện B thu hồi đất không ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường theo giá đất ở làm thiệt hại đến gia đình ông D nên đã khiếu nại đến UBND huyện B.

Ngày 26/3/2013, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân trong đó có hộ ông D và bà E.

Ông D và bà E tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H.

Ngày 30/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân trong đó có hộ ông D và bà E.

Ngày 25/3/2015, ông Đỗ Hải D và bà Nguyễn Thị E khởi kiện, sau đó có bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh H:

- Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 13,2m^2 của gia đình ông bà và bồi thường theo giá đất thị trường.

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B.

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H.

UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có ý kiến:

Thực hiện các quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 29/3/2006, Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/02/2008 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt dự án, thu hồi đất phục vụ dự án cải tạo nâng cấp đường 394 (Km12+500 – Km13+700) đoạn qua xã K, huyện B. UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 thành lập ban giải phóng mặt bằng, đồng thời triển khai giao nhiệm vụ cho ban GPMB phối hợp với UBND xã K tiến hành các quy trình về thu hồi đất như thông báo cho các hộ dân, đo đạc kiểm đếm, xác định loại đất, lập phương án đền bù, hỗ trợ việc thu hồi đất, tài sản trên đất.

Căn cứ các quy định về hành lang an toàn giao thông theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982; bản đồ 299; bản xác định nguồn gốc sử dụng đất ngày 04/10/2008, ngày 06/10/2010 do UBND xã K lập, biên bản kiểm kê và các hồ sơ quản lý, sử dụng đất thể hiện đường 194 cũ (nay là 394) qua xã K đoạn đường nhà ông D có chiều rộng 12,5m; 13,2m^2 đất thuộc dự án chiếm dụng tiếp giáp thửa đất của ông D, bà E thuộc đất hành lang giao thông do Nhà nước quản lý, không phải đất của hộ gia đình nên UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt, không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất đối với hộ ông D, bà E là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện B xác định việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Do đó, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B giữ nguyên hành vi hành chính, quyết định hành chính bị khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà E.

Theo Chủ tịch UBND tỉnh H:

Khi ông D và bà E có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập đoàn cán bộ tiến hành thẩm tra xác minh các quy trình thực hiện đền bù hỗ trợ

khi thu hồi đất hộ gia đình ông D, bà E và hơn 90 hộ dân khác tại thôn P, xã K, huyện B. Căn cứ kết quả xác minh chủ tịch UBND tỉnh xác định chiều rộng mặt đường 394 mà UBND huyện B xác định là 12,5m tuy chưa có cơ sở chính xác nhưng có lợi cho người dân nên chấp nhận phương án này, tuy nhiên tại Điều 2 của Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện B tiến hành rà soát lại, nếu người dân chưa có các loại giấy tờ về sử dụng đất hợp pháp nhưng họ ra ở, sử dụng trước ngày 21/12/1982 mà được thể hiện trên bản đồ 299 thì xem xét bồi thường cho họ.

Chủ tịch UBND tỉnh H xác định việc ban hành Quyết định số 2687/QĐ-UBND đúng trình tự, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà E.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2018/HCST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hải D và bà Nguyễn Thị E:

- Buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 13,2m^2 của ông D, bà E.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B liên quan đến quyền và lợi ích của ông D, bà E.

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H liên quan đến quyền và lợi ích của ông D, bà E.

- Buộc UBND huyện B phải bồi thường cho ông D và bà E diện tích 13,2m^2 đất với giá theo quy định của pháp luật tại thời điểm bồi thường đối với loại đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 16/11/2017, UBND huyện B kháng cáo nội dung: đề nghị giữ nguyên Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B; Huỷ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hải D và bà Nguyễn Thị E.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo đại diện của người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B: Theo Biên bản thẩm định ngày 19/9/2018 tổng diện tích gia đình ông D hiện đang sử dụng là 98m^2; tăng so với diện tích đo đạc năm 2001 là 10m^2; diện tích tăng thêm phía trước là 10m^2. Từ đó có đủ căn cứ xác định diện tích 13,2m^2 đất bị thu hồi không thuộc diện tích 88m^2 đất của gia đình ông D, mà thuộc đất hành lang giao thông. Do đó, UBND huyện B không ban hành quyết

định thu hồi đất, chỉ hỗ trợ công vượt lập là có căn cứ; đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Theo ý kiến của người khởi kiện: Diện tích đất bị thu hồi 13,2m^2 gia đình ông D sử dụng là đất ở, hợp pháp, ổn định và không có tranh chấp; ông đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND huyện B, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của UBND huyện B đúng quy định tại Điều 174, 175, 176 Luật tố tụng hành chính nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất hộ gia đình ông D đang sử dụng mà ông D cho rằng đã thu hồi 13,2m^2 đất không ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường theo giá đất ở; thể hiện tại Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 diện tích 13,2m^2 là đất vượt lập và gia đình ông D đã nhận tiền hỗ trợ công vượt lập. Theo Biên bản thẩm định ngày 19/9/2018 tổng diện tích gia đình ông D hiện đang sử dụng là 98m^2; tăng so với diện tích đo đạc năm 2001 là 10m^2; diện tích tăng thêm phía trước là 10m^2. Từ đó có đủ căn cứ xác định diện tích 13,2m^2 đất bị thu hồi không thuộc diện tích 88m^2 đất của gia đình ông D, mà thuộc đất hành lang giao thông; do đó, UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà E là trái quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] .Về tố tụng: Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính; đối với yêu cầu khi thu hồi đất phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và bồi thường theo giá đất ở đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND và Quyết

định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND. Ngày 25/3/2015, ông D và bà E khởi kiện là vẫn còn thời hiệu khởi kiện; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh H theo quy định tại Điều 30, 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hình thức, trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định số 901/ QĐ-UBND và Quyết định số 2687/QĐ-UBND:

Theo quy định của Luật đất đai, Luật khiếu nại, Luật tổ chức chính quyền Chủ tịch UBND huyện B và Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đảm bảo về hình thức, đúng về trình tự và thẩm quyền.

[2.2]. Về nội dung của Quyết định số 901/QĐ-UBND và Quyết định số 2687/QĐ-UBND:

Theo ông D và bà E thì nguồn gốc đất gia đình ông bà nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Trí T diện tích 82m^2 từ tháng 8/1995; Diện tích hiện nay đang sử dụng là 88m^2 đất ở; từ năm 1995 sử dụng ổn định, không tranh chấp. Diện tích đất Nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng để nâng cấp đường 394 là đất ở; xã K đã tiến hành đo đạc xác định diện tích, ranh giới mốc cõi (có sơ đồ) từ năm 1993 để quản lý và thực hiện thu thuế đất ở hàng năm với diện tích 88m^2. Đề nghị Hội đồng đền bù GPMB huyện B ban hành quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông D và lập phương án đền bù, áp giá đất ở với diện tích 13,2m^2.

Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới tháng 10/2001 theo hiện trạng sử dụng thể hiện thửa số 126, tờ bản đồ số 4 do hộ gia đình ông D quản lý, sử dụng có diện tích 88m^2. Theo Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường thì diện tích đất của hộ ông D, bà E mà UBND sử dụng giải phóng mặt bằng là 13,2m^2 đất vượt lập, phi nông nghiệp (ông D có ký tên chủ hộ). Tại phiên tòa phúc thẩm ông D xác nhận năm 2006, ông là người ký biên bản kiểm kê, không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2018 thể hiện từ tim đường 394 đến diện tích đất ông D đang sử dụng là 06m gồm có: từ tim đường đến mép đường 394 là 3,82m; tiếp đến là mép đường nhựa, sau mép đường nhựa là bờ lốc, sau bờ lốc là rãnh xây. Ông D cho rằng đường 194 cũ có chiều rộng khoảng 06m-07m, như vậy thì toàn bộ diện tích đất bao gồm bờ lốc và rãnh xây thuộc đất của ông D. Lý do ông D nêu là không có căn cứ chấp nhận vì tại kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/9/2018 thể hiện diện tích gia đình ông Đỗ Hải D đang sử dụng là 98m^2 đất ở nông thôn; diện tích đất tăng thêm so với số liệu đo đạc năm 2001 là 10m^2 (diện tích đất tăng phía trước giáp đường 394); ông D cho rằng diện tích đất tăng thêm là do trong quá trình sử dụng đất vì phía

sau là sông vì sợ lở đất nên phải kè đất nên diện tích đất có thay đổi so với diện tích nhận chuyển nhượng năm 1995 là không có căn cứ.

Phía người bị kiện cho rằng diện tích thu hồi của hộ ông D 13,2m^2 thuộc công trình giao thông, không thu hồi vào đất của hộ ông D nên UBND huyện đã không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất cho hộ ông D mà chỉ hỗ trợ công bồi đắp là có cơ sở.

Như vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D cho rằng phải ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích 13,2m^2 đất và phải bồi thường theo giá đất ở. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 901/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện B và Quyết định số 2687/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh H. Tòa án cấp sơ thẩm đã chưa đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ các tài liệu có trong hồ sơ từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của UBND huyện B được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Đỗ Hải D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Chủ tịch UBND tỉnh H và Chủ tịch UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Về chi phí thẩm định phía UBND huyện B tự nguyện chịu mọi chi phí, nên không yêu cầu người khởi kiện phải chịu chi phí thẩm định.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2018/HCST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H, đã quyết định:

Bác yêu cầu buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 13,2m^2 của ông Đỗ Hải D và bà Nguyễn Thị E.

Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện B liên quan đến quyền và lợi ích của ông D, bà E.

Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh H liên quan đến quyền và lợi ích của ông D, bà E.

Bác yêu cầu buộc UBND huyện B phải bồi thường cho ông D và bà E diện tích 13,2m^2 đất với giá theo quy định của pháp luật tại thời điểm bồi thường đối với loại đất ở.

Án phí: UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm hoàn trả cho UBND huyện B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002852 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh H. Chủ tịch UBND tỉnh H, UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Đỗ Hải D phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm được đối trừ 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0003343 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình